

Số: 14-24/QĐ-THPTTP-KT

Thành phố Thủ Đức, ngày 05 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách
nhà nước, nguồn khác quý 3 năm 2024

của TRƯỜNG THPT TAM PHÚ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của chính phủ qui định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, nguồn khác quý 3 năm 2024;

Xét đề nghị của phụ trách kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, nguồn khác quý 3 năm 2024 của trường THPT Tam Phú (theo các biểu theo quy định đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ văn phòng, bộ phận Tài chính các tổ có liên quan thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Tổ có liên quan
- Lưu :VT, ...



Nguyễn Hồ Thiên Đăng

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tam Phú
Chương: 422

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày 05 tháng 10 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH

Quý III năm 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		6.721		
I	Nguồn ngân sách trong nước		6.721		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tam Phú
Chương: 422

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		6.721		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.694		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		3.027		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				



Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tam Phú
Chương: 422

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 05 tháng 10 năm 2024

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Hồ Thiên Đăng



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC

Quý III năm 2024

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ- ... ngày .../.../... của)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

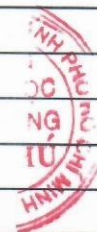
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quý lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	880	880			
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	880	880			
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	1.679	1.679	528		
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
1.1	Chi sự nghiệp					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	1.679	1.679	528		
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN					
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ					
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	6.721	6.721	6.614	21	
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	6.721	6.721	6.614	21	



Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Tam Phú
Chương: 422

STT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.694	3.694	3.672		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.027	3.027	2.942	21	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
5	Chi bảo đảm xã hội					
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
6	Chi hoạt động kinh tế					
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
11	Chi Chương trình mục tiêu					
11.1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
11.2	Chi Chương trình mục tiêu					



Mã chương: 422

Đơn vị: Trường THPT Tam Phú

Mã ĐVQHNS: 1058082

Mã cấp NS: 2



Người ký: Cao Sơn Đăng
Ngày ký: 04/10/2024 09:06:54
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	0	4.941.915.000	0	4.941.915.000	4.941.915.000	555.708.740	4.126.788.781	0	0	0	815.126.219
13	074	00000	0	12.093.800.000	0	12.093.800.000	12.093.800.000	3.222.396.596	8.538.444.636	0	0	0	3.555.355.364
14	074	00000	175.694.877	10.878.674.000	0	10.878.674.000	11.054.368.877	2.942.900.013	6.487.632.955	0	0	0	4.566.735.922
Cộng:			175.694.877	27.914.389.000	0	27.914.389.000	28.090.083.877	6.721.005.349	19.152.866.372	0	0	0	8.937.217.505
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Ngọc Hoa

Người ký: Cao Sơn Đăng
Ngày ký: 04/10/2024 09:06:54
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Thủ Đức - TP Hồ Chí Minh

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Vũ Thị Yến
Ngày ký: 02/10/2024 10:58:17
Đơn vị: Trường THPT Tam Phú

Người ký: Nguyễn Hữu Thuận Đăng
Ngày ký: 02/10/2024 11:08:15
Đơn vị: Trường THPT Tam Phú

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Quý 3 /Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	0	127.869.525	0	127.869.525
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	381.826.005	961.465.031	381.826.005	961.465.031
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	66.625.022	168.061.850	66.625.022	168.061.850
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	11.421.432	28.810.602	11.421.432	28.810.602
Kinh phí công đoàn	12	074	6303	00000	0	0	7.614.290	19.203.390	7.614.290	19.203.390
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	2.934.144	8.730.536	2.934.144	8.730.536
Thuê phương tiện vận chuyển	12	074	6751	00000	0	0	17.280.000	17.280.000	17.280.000	17.280.000
Nhà cửa	12	074	6907	00000	0	0	20.505.447	20.505.447	20.505.447	20.505.447
Chi khác	12	074	7049	00000	0	0	47.502.400	47.502.400	47.502.400	47.502.400
Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ	12	074	7766	00000	0	0	0	2.727.360.000	0	2.727.360.000
Lương theo ngạch, bậc	13	074	6001	00000	0	0	1.987.625.785	4.840.335.085	1.987.625.785	4.840.335.085
Phụ cấp chức vụ	13	074	6101	00000	0	0	31.059.000	76.653.000	31.059.000	76.653.000
Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	13	074	6105	00000	0	0	0	649.163.634	0	649.163.634
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	13	074	6107	00000	0	0	3.654.000	9.912.000	3.654.000	9.912.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	074	6112	00000	0	0	577.339.807	1.419.717.385	577.339.807	1.419.717.385
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	074	6113	00000	0	0	2.436.000	6.012.000	2.436.000	6.012.000

Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	13	074	6115	00000	0	0	22.948.338	55.003.602	22.948.338	55.003.602
Thưởng thường xuyên	13	074	6201	00000	0	0	99.000.000	99.000.000	99.000.000	99.000.000
Bảo hiểm xã hội	13	074	6301	00000	0	0	355.098.876	867.911.624	355.098.876	867.911.624
Bảo hiểm y tế	13	074	6302	00000	0	0	60.874.092	148.784.847	60.874.092	148.784.847
Kinh phí công đoàn	13	074	6303	00000	0	0	40.582.729	99.389.901	40.582.729	99.389.901
Bảo hiểm thất nghiệp	13	074	6304	00000	0	0	20.291.365	49.594.954	20.291.365	49.594.954
Chi khác	13	074	6449	00000	0	0	0	173.772.000	0	173.772.000
Tiền vệ sinh, môi trường	13	074	6504	00000	0	0	0	9.720.000	0	9.720.000
Văn phòng phẩm	13	074	6551	00000	0	0	12.908.527	12.908.527	12.908.527	12.908.527
Thuê hội trường, phương tiện vận chuyển	13	074	6655	00000	0	0	0	4.644.000	0	4.644.000
Thuê phương tiện vận chuyển	13	074	6751	00000	0	0	0	4.752.000	0	4.752.000
Chi phí thuê mướn khác	13	074	6799	00000	0	0	0	2.592.000	0	2.592.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	074	7001	00000	0	0	8.578.077	8.578.077	8.578.077	8.578.077
Lương theo ngạch, bậc	14	074	6001	00000	0	0	301.620.701	895.137.401	301.620.701	895.137.401
Phụ cấp chức vụ	14	074	6101	00000	0	0	4.743.000	14.229.000	4.743.000	14.229.000
Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm	14	074	6107	00000	0	0	558.000	1.860.000	558.000	1.860.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	14	074	6112	00000	0	0	87.525.517	262.785.283	87.525.517	262.785.283
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	14	074	6113	00000	0	0	372.000	1.116.000	372.000	1.116.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	14	074	6115	00000	0	0	3.504.426	10.173.642	3.504.426	10.173.642
Bảo hiểm xã hội	14	074	6301	00000	0	0	54.226.922	160.919.508	54.226.922	160.919.508
Bảo hiểm y tế	14	074	6302	00000	0	0	9.296.044	27.586.201	9.296.044	27.586.201
Kinh phí công đoàn	14	074	6303	00000	0	0	6.197.363	18.390.803	6.197.363	18.390.803
Bảo hiểm thất nghiệp	14	074	6304	00000	0	0	3.098.681	9.195.398	3.098.681	9.195.398
Chi khác	14	074	6449	00000	0	0	2.471.757.359	5.086.239.719	2.471.757.359	5.086.239.719
Cộng:					0	0	6.721.005.349	19.152.866.372	6.721.005.349	19.152.866.372
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 4 tháng 10 năm 2024

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Ngọc Hoa

Người ký: Cao Sơn Đặng
Ngày ký: 04/10/2024 09:08:33
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Thu Đức - TP Hồ Chí Minh

Cao Sơn Đặng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 10 năm 2024

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Vũ Thị Yến
Ngày ký: 02/10/2024 10:59:13
Đơn vị: Trường THPT Tam Phú

Người ký: Nguyễn Hồ Thiên Đăng
Ngày ký: 02/10/2024 11:03:21
Đơn vị: Trường THPT Tam Phú

Vũ Thị Yến

Nguyễn Hồ Thiên Đăng